

Số: /QĐ-TDĐTĐN

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận kết quả thi chuẩn đầu ra Tiếng Anh - trình độ B1 (Nội bộ)
khóa ngày 13/12/2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 968/QĐ-TDĐTĐN ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng;

Căn cứ kết luận và đề nghị của Hội đồng thi sát hạch chuẩn đầu ra tiếng Anh và cấp chứng chỉ Tin học kỳ thi ngày 13 & 14/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi chuẩn đầu ra Tiếng Anh, trình độ B1 cho 58 học viên (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Trung tâm Ngoại ngữ Tin học; các đơn vị liên quan và các học viên có tên ở điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Phòng ĐT & BĐCLGD;
- Website trường;
- Lưu VT, TTNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Thanh Hải

DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH - TRÌNH ĐỘ B1 (NỘI BỘ)
KHÓA NGÀY 13/12/2025

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-TDĐTĐN ngày / 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Đà Nẵng)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Vấn đáp	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm		Xếp loại
										Điểm số	Điểm chữ	
1	Bùi Long	An	23/07/2004	Quảng Ngãi	B1-001	4.5	1.7	7	2.2	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
2	Nguyễn Quốc	Bảo	10/09/2004	Thừa Thiên Huế	B1-004	4.7	2.5	6.8	1.2	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
3	Thái Văn	Cử	05/01/2003	Quảng Trị	B1-005	1.0	4.6	7.5	2.5	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
4	Phan Việt	Cường	11/02/2004	Hà Tĩnh	B1-006	4.0	2	6.3	3.2	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
5	Nguyễn Xuân	Đô	23/02/1997	Thừa Thiên Huế	B1-007	4.0	2.8	7.5	0.9	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
6	Bùi Vũ Thục	Đoan	20/02/2004	Quảng Ngãi	B1-008	1.5	3.4	7.3	2.9	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
7	Huỳnh Ngô	Đức	10/10/2003	Đà Nẵng	B1-009	4.5	2.8	7.5	0.4	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
8	Lê Hoàng	Dũng	29/03/2003	Gia Lai	B1-011	4.5	3.4	7	0.5	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
9	Hồ Hữu	Dương	26/07/2004	Gia Lai	B1-012	2.2	7.4	6.8	0.8	4.5	<i>Bốn năm</i>	ĐẠT
10	Trần Văn	Duy	25/09/2004	Gia Lai	B1-013	3.3	6.6	7.3	3.4	5.0	<i>Năm không</i>	ĐẠT
11	Huỳnh Công	Duy	08/01/2004	Quảng Nam	B1-014	2.2	7.1	7.3	0.2	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
12	Trần Hồ Hữu	Duy	09/08/2004	Đà Nẵng	B1-015	2.6	4.6	7.8	2.2	4.5	<i>Bốn năm</i>	ĐẠT
13	Nguyễn Lê Đức	Hiếu	17/04/2004	Hải Phòng	B1-018	7.4	8	7.5	5.4	7.0	<i>Bảy không</i>	ĐẠT
14	A	Hoàng	12/12/2003	Kon Tum	B1-020	3.0	4.6	7.8	0.0	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
15	Lê Ngọc	Hoàng	01/01/2004	Thừa Thiên Huế	B1-021	3.0	4.6	5.3	2.6	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
16	Nguyễn Tấn	Hưng	08/03/2004	Đắk Lắk	B1-024	1.8	3.4	7	3.8	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT

17	Nguyễn Vũ Minh	Huy	13/06/2004	Đà Nẵng	B1-026	2.0	4.6	6.8	2.5	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
18	Nguyễn Xuân	Huy	31/01/2004	Quảng Trị	B1-027	2.5	2.6	7.3	3.0	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
19	Lý Huỳnh Minh	Huy	17/10/2002	Đà Nẵng	B1-029	2.0	4	8.3	1.3	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
20	Phan Nguyễn Gia	Huy	24/06/2002	Gia Lai	B1-030	5.4	4.6	6.3	3.5	5.0	<i>Năm không</i>	ĐẠT
21	Nguyễn Thị	Huyền	10/06/2001	Thái Bình	B1-031	3.3	4	6	3.7	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
22	Phan Văn	Kiệm	08/01/2004	Quảng Trị	B1-032	1.9	4.6	6.0	2.6	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
23	Nguyễn Hoàng	Linh	02/01/2004	Nghệ An	B1-034	4.0	3.7	7.5	2.8	4.5	<i>Bốn năm</i>	ĐẠT
24	Phạm Thị Ngọc	Linh	10/03/2004	Quảng Ngãi	B1-035	2.5	2.8	5.8	4.3	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
25	Hồ Văn	Luân	22/12/1992	Quảng Nam	B1-037	4.0	3.1	5.3	2.7	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
26	Chế Công	Minh	06/03/2004	Thừa Thiên Huế	B1-038	2.0	5.7	5	2.5	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
27	Phan Nguyễn Hồng	Minh	08/01/2004	Quảng Trị	B1-039	4.0	3.1	5.8	2.5	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
28	Nguyễn Đình	Nguyên	11/11/2004	Nghệ An	B1-041	3.0	3.4	5.5	3.5	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
29	Bùi Thị Yến	Nhi	09/10/2003	Quảng Ngãi	B1-042	4.0	3.4	5.5	2.4	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
30	Lê Văn	Noa	02/03/2004	Thừa Thiên Huế	B1-043	3.0	3.4	5.8	3.7	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
31	Nguyễn Công	Pháp	22/02/2003	Đà Nẵng	B1-044	4.5	2	5.5	3.0	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
32	Hồ Quang	Phát	26/10/2004	Quảng Ngãi	B1-045	3.0	5.4	5.3	2.5	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
33	Võ Văn	Phong	29/08/2003	Bình Định	B1-046	4.0	3.1	5.8	3.2	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
34	Triệu Đoàn An	Phú	30/09/2004	Quảng Ngãi	B1-047	3.0	4.3	5.3	2.5	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
35	Ngô Trường	Phúc	08/04/2004	Đà Nẵng	B1-048	2.0	4.6	5.5	3.3	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
36	Phạm Vinh	Quang	06/03/2003	Quảng Ngãi	B1-049	3.5	4.3	5.5	2.9	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
37	Lê Hồng	Quốc	15/03/1981	Quảng Trị	B1-051	3.0	5.7	5.5	2.4	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
38	Huỳnh Gia Hạnh	Quyên	28/09/2003	Quảng Ngãi	B1-052	2.0	6	5.3	3.1	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT

39	Vũ Trường	Son	03/02/2004	Quảng Nam	B1-053	2.0	5.4	5.8	3.3	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
40	Đặng Hữu	Tài	22/10/2004	Quảng Nam	B1-054	2.5	3.4	7.8	2.1	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
41	Tán Văn	Tây	13/09/2003	Đà Nẵng	B1-055	0.8	5.1	6.8	3.5	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
42	Nguyễn Ngọc	Thắng	13/07/2004	Quảng Nam	B1-056	3.0	4.8	5.3	2.8	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
43	Nguyễn Văn	Thành	15/01/2004	Đắk Lắk	B1-057	3.5	3.4	5.8	2.3	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
44	Lê Văn	Thành	15/10/2001	Đắk Lắk	B1-058	3.5	3.7	5.8	2.3	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
45	Phạm Minh	Thiện	13/04/2004	Phú Yên	B1-059	1.1	2.8	7.5	3.7	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
46	Trần Quốc	Thiện	16/09/2004	Gia Lai	B1-060	3.0	3.4	7.3	2.4	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
47	Nguyễn Thị	Thịnh	05/05/2004	Gia Lai	B1-061	2.0	5.1	5.5	3.3	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
48	Ngô Đình	Thịnh	07/12/2004	Bình Định	B1-062	1.1	5.4	6.8	3.7	4.5	<i>Bốn năm</i>	ĐẠT
49	Võ Minh	Thuận	01/01/2004	Đà Nẵng	B1-063	0.7	5.1	7.3	2.6	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
50	Nguyễn Đình	Tiến	02/01/2004	Đà Nẵng	B1-064	1.0	6	5.3	3.8	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
51	Bùi Thị Thu	Trang	02/05/2004	Quảng Nam	B1-065	2.0	4	6.5	2.8	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
52	Nguyễn Xuân	Triều	05/06/2004	Quảng Ngãi	B1-066	2.0	3.7	7	2.4	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
53	Nguyễn Quang	Tường	05/02/2004	Trà Vinh	B1-067	1.5	4	6.8	3.3	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
54	Hoàng Thanh	Tuyền	13/07/2004	Quảng Nam	B1-069	0.8	5.4	8.3	0.8	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
55	Đào Thị Quỳnh	Uyên	01/01/2003	Quảng Ngãi	B1-070	1.1	5.4	8	1.0	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
56	Trần Thị Cẩm	Vân	04/09/2004	Quảng Trị	B1-071	0.5	6	9	3.7	5.0	<i>Năm không</i>	ĐẠT
57	Phạm Thị Như	Ý	11/02/2003	Quảng Trị	B1-072	1.1	5.7	7.5	3.2	4.5	<i>Bốn năm</i>	ĐẠT
58	Puih Adăm	Yiêk	28/01/2004	Gia Lai	B1-073	3.0	3.7	7.3	1.2	4.0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT